

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2023

V/v: *Không công nhận vợ chồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan.

2. Bà Nguyễn Thị Phương Nga.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2023, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1967.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1969.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã NH, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Ông Q và bà L đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai - nguyên đơn ông Trần Văn Q trình bày: Ông Trần Văn Q và bà Bùi Thị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH vào năm 1989. Giấy chứng nhận kết hôn của ông bà bị thất lạc nên ông Q không giao nộp cho Tòa án được. Sau khi kết hôn, bà L về chung sống cùng ông Q và gia đình nhà chồng. Sau đó, ông bà làm nhà ở riêng trên thửa đất của bố mẹ ông Q. Ông bà chung sống bình thường đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà L ghen tuông vô cớ, phá công chuyện làm ăn của ông.

Năm 2021, ông bà cãi nhau và ông bị đưa đi cơ sở giáo dục bắt buộc 08 tháng về hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà L. Ông bà sống ly thân nhau hơn 03 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn bà L. Ông không có căn cứ gì chứng minh về việc ông bà có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng, ông đồng ý.

Về con chung: Ông Q và bà L có hai con chung là Trần Thị K, sinh ngày 08/3/1990 và Trần TA, sinh ngày 04/8/1991. Ông bà không có con riêng, con nuôi nào khác. Hai con của ông bà đều đã trưởng thành và có gia đình riêng. Ông Q không có yêu cầu đề nghị gì.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Ông bà tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết tại Tòa án bà Bùi Thị L trình bày: Bà L và ông Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH vào ngày 12/02/1989. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu, bà không rõ giấy đăng ký kết hôn của ông bà bị thất lạc từ bao giờ, bà cũng không có bản phô tô giấy đăng ký kết hôn nào nên không giao nộp cho Tòa án được. Sau khi kết hôn, bà L về chung sống cùng ông Q và gia đình nhà chồng. Ban đầu, ông bà ở chung cùng nhà với bố mẹ chồng. Sau đó, ông bà làm nhà ở riêng trên thửa đất của bố mẹ chồng cho ông bà. Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q thường đi khỏi nhà. Bà có nói thì ông Q mắng chửi bà, đánh bà nhiều lần. Bà bắt buộc phải báo công an xã giải quyết. Do nhiều lần như vậy nên ông Q bị phạt đưa đi cơ sở giáo dục bắt buộc 08 tháng. Khi ông Q về, ông Q ở nhà được hơn nửa năm thì chuyển đi nơi khác ở đến nay. Bà vẫn sống cùng con cháu tại xã NH. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông bà sống ly thân 4 năm nay. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn hoặc không công nhận ông bà là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Trần Thị K, sinh ngày 08/3/1990 và Trần TA, sinh ngày 04/8/1991. Ông bà không có con riêng, con nuôi nào khác. Hai con của ông bà đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, bà không có yêu cầu đề nghị gì.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Ông bà tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại địa phương: Ông Q và bà L đang cư trú tại thôn Đ, xã NH, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Ông Q và bà L đều trình bày ông bà kết hôn năm 1989 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện Nam Sách

nhưng không có căn cứ chứng minh. Tại Ủy ban nhân dân xã NH không còn lưu trữ được hồ sơ, sổ về đăng ký kết hôn từ năm 1992 trở về trước nên địa phương không cung cấp cho Tòa án được. Rà soát sổ đăng ký kết hôn từ năm 1993 trở lại đây thì không có tên ông Trần Văn Q và bà Bùi Thị L. UBND xã không có tài liệu chứng cứ gì để xác định ông Q và bà L có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH vào năm 1989. Ông Q và bà L có hai con chung Trần Thị K, sinh ngày 08/3/1990 và Trần TA, sinh ngày 04/8/1991.

Phòng Tư pháp UBND huyện Nam Sách cung cấp: Phòng Tư pháp UBND huyện Nam Sách đã rà soát Sổ đăng ký kết hôn của xã NH lưu trữ tại Phòng Tư pháp thì không có tài liệu, thông tin về đăng ký kết hôn đối với trường hợp của ông Trần Văn Q và bà Bùi Thị L.

Tại phiên tòa: Ông Q và bà L đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLTTANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Không công nhận quan hệ giữa ông Trần Văn Q và bà Bùi Thị L là vợ chồng. Ông Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nam Sách giải quyết ly hôn bà Bùi Thị L. Bà L có nơi cư trú tại thôn Đ, xã NH, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

Nguyên đơn, bị đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều

227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Quan hệ tình cảm: Ông Q và bà L được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989. Ông bà đều trình bày ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH nhưng không có căn cứ gì chứng minh. UBND xã NH và Phòng Tư pháp huyện Nam Sách đều không có thông tin, tài liệu về việc đăng ký kết hôn đối với ông Q và bà L. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông Q và bà L chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống ông Q và bà L có nhiều mâu thuẫn. Ông Q nhiều lần đánh chửi bà L nên bị cơ quan có thẩm quyền đưa đi cơ sở giáo dục bắt buộc 08 tháng. Ông bà sống ly thân nhau hơn 03 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Ông bà đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn hoặc không công nhận ông bà là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Việc ông Q và bà L chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTCVKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát 4 nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, xử không công nhận ông Trần Văn Q và bà Bùi Thị L là vợ chồng

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Trần Thị K, sinh ngày 08/3/1990 và Trần TA, sinh ngày 04/8/1991. Ông bà không có con riêng, con nuôi nào khác. Hai con của ông bà đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, ông bà không có yêu cầu đề nghị gì. Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Ông bà tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTCVKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Không công nhận quan hệ giữa ông Trần Văn Q và bà Bùi Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Ông Q và bà L không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ông Trần Văn Q phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001555 ngày 06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Ông Q đã thi hành xong tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nam Sách;
- CCTHADS huyện Nam Sách;
- UBND xã NH để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu văn phòng.

Phạm Thúy Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ

Trần Thị Liên

Phạm Thúy Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Luận

Đặng Hữu Luật

Đoàn Thị Thu Thúy

